

Số: /KLTD-SKHCHN

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

**KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH**  
**Về nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2021**

Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng Khoa học tư vấn chuyên ngành đánh giá nhiệm vụ KHCHN năm 2021 được thành lập theo quyết định số: 456/QĐ-SKHCHN ngày 03/11/2020, kết quả thẩm định của tổ thẩm định được thành lập theo quyết định số: 78/QĐ-SKHCHN ngày 04/6/2021, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xác định các nội dung, kinh phí của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2021 mà cơ quan chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ phải thực hiện như sau:

<b>1. Tên đề tài:</b> <i>Đánh giá mức độ tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa.</i>	
<b>2. Mục tiêu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá được mức độ tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010 đến năm 2020.</li><li>- Xây dựng được hệ thống các giải pháp (công trình, phi công trình) giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045.</li></ul>	
<b>3. Nội dung:</b>	
3.1	<b>Nội dung 1: Điều tra, khảo sát mức độ tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010 đến năm 2020,</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thu thập các thông tin, tài liệu hiện có tại các đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn vùng Bắc Trung Bộ; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa; Trung tâm xúc tiến thương mại du lịch; Sở Công thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND 9 huyện, thị xã, thành phố (16 đơn vị).</li><li>- Điều tra, khảo sát thực địa, đánh giá cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch và các loại dữ liệu liên quan đến mức độ phơi nhiễm, mức độ nhạy cảm và năng lực thích ứng của các tiểu vùng du lịch do biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa: 9 huyện (Sầm Sơn, Hoàng Hóa, Nghi Sơn, Bá Thước, Quan Hóa, Như Thanh, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc và Quảng Xương): 10 phiếu/huyện x 9 huyện = 90 phiếu.</li><li>- Tổng hợp, xử lý số liệu.</li><li>- Viết báo cáo chuyên môn: Cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch gắn với biểu hiện về mức độ tổn thương đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010 đến năm 2020.</li><li>- Viết báo cáo chuyên môn: Đánh giá mức độ phơi nhiễm, mức độ tổn thương và năng lực thích ứng du lịch tỉnh Thanh Hóa do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu từ năm 2010 đến năm 2020.</li></ul>
3.2	<b>Nội dung 2: Thành lập các bản đồ thành phần và bản đồ mức độ tổn thương của</b>

	<p><b>ngành du lịch tỉnh Thanh Hóa do tác động của biến đổi khí hậu</b>          Xây dựng bản đồ với 03 vùng: Vùng miền núi, vùng đồng bằng và vùng ven biển (tỷ lệ bản đồ 1:100.000)</p> <p>a) Thành lập bản đồ các yếu tố phơi nhiễm.          b) Thành lập bản đồ các yếu tố nhạy cảm.          c) Thành lập bản đồ các yếu tố khả năng thích ứng.          d) Thành lập bản đồ mức độ tổn thương.          e) Tổng hợp quá trình thành lập bản đồ các mức độ tổn thương.</p>	
3.3	<p><b>Nội dung 3: Xây dựng hệ thống giải pháp (công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045.</b></p> <p>- Báo cáo chuyên môn: Hệ thống giải pháp (công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045.          - Hội thảo khoa học: Hệ thống giải pháp (công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045.</p>	
3.4	<p><b>Nội dung 4: Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài.</b></p>	
3.5	<p><b>Nội dung 5: Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.</b></p>	
<p><b>4. Quy mô, thời gian, địa điểm, sản phẩm đề tài</b></p>		
4.1	Quy mô	Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
4.2	Thời gian thực hiện	18 tháng
4.3	Địa điểm	3 huyện đại diện được lựa chọn trong 9 huyện (Sầm Sơn, Hoằng Hóa, Nghi Sơn, Bá Thước, Quan Hóa, Như Thanh, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc và Quảng Xương).
4.4	Sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch gắn với biểu hiện về mức độ tổn thương đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010 đến năm 2020.</li> <li>- Báo cáo đánh giá mức độ phơi nhiễm, mức độ tổn thương và năng lực thích ứng du lịch tỉnh Thanh Hóa do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu từ năm 2010 đến năm 2020.</li> <li>- Báo cáo hệ thống giải pháp (công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045.</li> <li>- 04 bản đồ số hóa tỷ lệ 1: 100.000, bao gồm: Bản đồ các yếu tố phơi nhiễm; Bản đồ các yếu tố nhạy cảm; Bản đồ các yếu tố khả năng thích ứng; Bản đồ mức độ tổn thương.</li> <li>- Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu.</li> <li>- Báo cáo Tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài.</li> <li>- 01 Bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành.</li> </ul>

<b>5. Kinh phí</b>		
5.1	Tổng kinh phí	1330,274
5.2	- SNKH Trong đó khoản chi theo quy định:	1330,274 Trong đó khoản chi theo quy định: 1330,274
5.3	- Tự có	0
5.4	- Khác	0

### **6. Phương án xử lý tài sản,**

6.1 Phương án xử lý tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản</b>	<b>Phương án xử lý</b>
1	Không có tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Không

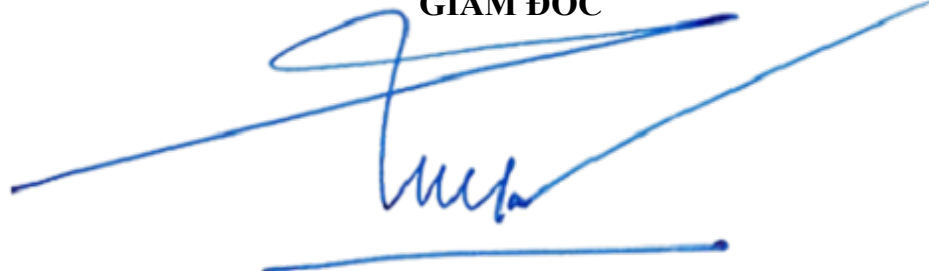
6.2 Phương án xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ KH&CN:

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản</b>	<b>Phương án xử lý</b>
1	Không có tài sản đạt tiêu chuẩn là Tài sản cố định được xử lý theo Nghị định 70 (Cụ thể, quy định tại khoản 5, điều 4, chương I, Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và điểm a, điểm b, khoản 1, điều 3, chương II, Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018),	Không

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QLKH,

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Ngọc Túy**



	Xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra: 24,0 trđ,	24,0	24,0	24,0	0	0	0
	Chi điều tra: - In phiếu thu thập thông tin: 90 phiếu x 0,004 trđ/phiếu = 0,36 trđ, - Cung cấp thông tin vào phiếu (phiếu cá nhân): 90 phiếu x 0,04 trđ/phiếu = 3,60 trđ, (Vận dụng thông tư số 109/2016/TT-BTC, ngày 30/6/2016)	3,96	3,96	3,96	0	0	0
	Công đi thu thập các thông tin, tài liệu hiện có tại Các đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn vùng Bắc Trung Bộ; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa; Trung tâm xúc tiến thương mại du lịch; Sở Công thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND 9 huyện, thị xã, thành phố (16 đơn vị), Nội dung thu thập các thông tin, tài liệu bao gồm các dữ liệu nền và các dữ liệu chi thị cụ thể trong các mục của nội dung 2: 3 người x 1 công/đơn vị x 16 đơn vị x 0,2 x 1,49 = 14,3 trđ	14,3	14,3	14,3	0	0	0
	Công đi Điều tra, khảo sát thực địa, đánh giá các loại dữ liệu liên quan đến mức độ phơi nhiễm, mức độ nhạy cảm và năng lực thích ứng của các tiểu vùng du lịch do biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa: 9 huyện (Sầm Sơn, Hoàng Hóa, Nghi Sơn, Bá Thước, Quan Hóa, Như Thanh, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc và Quảng Xương): 3 người x 8 công/đơn vị x 9 đơn vị x 0,2 x 1,49 = 64,37 trđ	64,37	64,37	64,37	0	0	0

	Tổng hợp, xử lý số liệu: 25 công x 0,33 x 1,49 trđ x = 12,29 trđ (QĐ số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015)	12,29	12,29	12,29	0	0	0
	Viết Báo cáo chuyên môn: Cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch gắn với biểu hiện về mức độ tổn thương đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa: 50 công x 0,33 x 1,49 trđ x = 24,59 trđ (QĐ số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015))	24,59	24,59	24,59	0	0	0
	Viết Báo cáo chuyên môn: đánh giá mức độ phơi nhiễm, mức độ tổn thương và năng lực thích ứng du lịch tỉnh Thanh Hóa do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu: 50 công x 0,33 x 1,49 trđ x = 24,59 trđ (QĐ số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015))	24,59	24,59	24,59	0	0	0
<b>3</b>	<b>Nội dung 2: Thành lập các bản đồ thành phần và bản đồ mức độ tổn thương của ngành du lịch tỉnh Thanh Hóa do tác động của biến đổi khí hậu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<i>a) Thành lập bản đồ các yếu tố phơi nhiễm (75.217 trđ/mảnh x 3 mảnh = 225.651 trđ (có bảng tính chi tiết kèm))</i>	225.651	225.651	225.651	0	0	0
	<i>b) Thành lập bản đồ các yếu tố nhạy cảm ((75.217 trđ/mảnh x 3 mảnh = 225.651 trđ (có bảng tính chi tiết kèm))</i>	225.651	225.651	225.651	0	0	0
	<i>c) Thành lập bản đồ các yếu tố khả năng thích ứng (75.217 trđ/mảnh x 3 mảnh = 225.651 trđ (có bảng tính chi tiết kèm))</i>	225.651	225.651	225.651	0	0	0
	<i>d) Thành lập bản đồ mức độ tổn thương (75.217 trđ/mảnh x 3 mảnh = 225.651 trđ (có bảng tính chi tiết kèm))</i>	225.651	225.651	225.651	0	0	0
	<i>e) Báo cáo tổng hợp quá trình</i>	12.29	12.29	12.29	0	0	0

	<i>thành lập bản đồ các mức độ tổn thương: 25 công x 0,33 x 1,49 trđ = 12,29 trđ (QĐ số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015)</i>						
4	<b>Nội dung 3: Xây dựng hệ thống giải pháp (công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045.</b>	0	0	0	0	0	0
	Báo cáo chuyên môn: Hệ thống giải pháp (công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045, 50 công x 0,33 x 1,49 trđ x = 24,59 trđ (QĐ số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015)	24,59	24,59	24,59	0	0	0
	Hội thảo khoa học: Hệ thống giải pháp (công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045 - Chủ trì: 1,2 trđ/buổi x 1 buổi = 1,2 trđ - Thư ký: 0,4 trđ/buổi x 1 buổi = 0,4 trđ - Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo: 5 báo cáo x 1,6 trđ/báo cáo = 8 trđ - Báo cáo viên được đặt hàng nhưng không trình bày tại Hội thảo: 0,8 trđ/báo cáo x 5 báo cáo	25,1	25,1	25,1	0	0	0

	= 4 trđ - Thành viên tham gia hội thảo, phục vụ hội thảo: 50 người x 0,16 trđ/buổi x 1 buổi = 8 trđ (QĐ 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015) - In ấn các tài liệu: 2 trđ - Khánh tiết: (trang trí, thuê hội trường, loa đài,,,) =1,0 trđ - Chè nước: 50 người x 10,000đ/người/buổi x 1 buổi = 0,5 trđ						
5	<b>Nội dung 4: Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu của đề tài:</b> 25 công x 0,33 x 1,49 trđ =12,29 trđ (Quyết định 5618/2015/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hoá)	12,29	12,29	12,29	0	0	0
6	<b>Nội dung 5: Báo cáo khoa học tổng kết đề tài:</b> 65 công x 0,33 x 1,49 trđ = 31,96 trđ (Quyết định 5618/2015/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hoá)	31,96	31,96	31,96	0	0	0
	Tổng	1191,6 84	1191,6 84	1191,6 84	0	0	0

**KHOẢN 2, NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG:** Không,

**KHOẢN 3, THIẾT BỊ, MÁY MÓC:** Không,

**KHOẢN 4, XÂY DỰNG VÀ SỬA CHỮA NHỎ :** Không,

**KHOẢN 5: CHI KHÁC,**

**ĐVT: (triệu đồng)**

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng	Trong đó				
			Kinh phí SNKH			Tự có	Khác
			Tổng	khoản chi từng phần	Không khoản chi		
1	Công tác phí đi thu thập các thông tin, tài liệu hiện có tại Các đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,	13,4	13,4	13,4	0	0	0



	<p>Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn vùng Bắc Trung Bộ; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa; Trung tâm xúc tiến thương mại du lịch; Sở Công thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND 9 huyện, thị xã, thành phố (16 đơn vị):</p> <p>- Hỗ trợ thuê chỗ nghỉ: 3 người x 1 đêm/đơn vị x 6 đơn vị x 0,3 trđ/đêm = 5,4 trđ</p> <p>- Hỗ trợ xăng xe: 0,5 trđ/đơn vị x 16 đơn vị = 8 trđ</p>						
	<p>Công tác phí đi Điều tra, khảo sát thực địa, đánh giá các loại dữ liệu liên quan đến mức độ phơi nhiễm, mức độ nhạy cảm và năng lực thích ứng của các tiểu vùng du lịch do biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa: 9 huyện (Sầm Sơn, Hoằng Hóa, Nghi Sơn, Bá Thước, Quan Hóa, Như Thanh, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc và Quảng Xương), (8 công/đơn vị x 9 đơn vị = 72 công tức 71 đêm, hỗ trợ 36 đêm)</p> <p>- Hỗ trợ thuê chỗ nghỉ: 3 người x 36 đêm/đơn vị x 0,3trđ = 32,4 trđ</p> <p>- Hỗ trợ xăng xe: 1trđ/đơn vị x 9 đơn vị = 9 trđ</p>	41,4	41,4	41,4	0	0	0
3	<p>Chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN</p> <p>- Trả tiền bài viết</p> <p>+ Bài phản biện: 2 bài x 0,28trđ = 0,56 trđ</p> <p>+ Bài nhận xét: 5 người x 0, 2trđ = 1 trđ</p> <p>- Thù lao Hội đồng:</p> <p>+ Chủ tịch HĐ: 1 người x 0,6trđ = 0,6trđ</p> <p>+ Ủy viên, thư ký khoa học: 6 người x 0,4trđ = 2,4 trđ</p> <p>+ Thư ký hành chính: 01 người x 0,12 trđ = 0,12 trđ</p> <p>+ Đại biểu mời tham dự, phục vụ: 20 người x 0,08 trđ = 1,6 trđ</p> <p>Hội trường, chè nước: 1,0 trđ</p>	7,28	7,28	7,28	0	0	0

	<i>QĐ số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015</i>						
4	Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm	10	10	10	0	0	0
5	Quản lý chung	66,51	66,51	66,51	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>138,59</b>	<b>138,59</b>	<b>138,59</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Phụ lục 2. Xây dựng bản đồ chuyên đề bằng công nghệ tin học**

Theo Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2012 Mục 5, mục 3

Thành lập và biên tập phục chế in bản đồ chuyên đề theo công nghệ tin học

Nội dung công việc : Biên tập khoa học, biên tập kỹ thuật; xây dựng bản tác giả ở dạng số

Loại khổ khăn: loại 4 (KK4 - bản đồ chuyên đề có nội dung đơn giản, có ký hiệu, chữ có kích thước nhỏ hơn loại 1, khoảng cách đọc từ 1 - 2 mét

Định biên: Kỹ sư bậc 6 (1KS6: hệ số : 3.99; 1 Tháng làm việc 22 ngày)

Tiền lương ngày KS6 sau 01/5/2016

<b>TT</b>	<b>Công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Công/Định mức KK4</b>	<b>Thành tiền KK4</b>
	<b>Thành lập bản đồ chuyên đề</b>			
<b>1</b>	<b><i>Biên tập khoa học</i></b>	<b><i>mảnh</i></b>	<b><i>36</i></b>	<b><i>8.232</i></b>
1,1	Xác định tên trang, chủ đề trang, tỷ lệ, kích thước, bố cục nội dung	mảnh	22,5	5.145
1,2	Viết đề cương biên tập	mảnh	13,5	3.087
<b>2</b>	<b><i>Biên tập kỹ thuật</i></b>	<b><i>mảnh</i></b>	<b><i>81,9</i></b>	<b><i>18.727</i></b>
2,1	Nghiên cứu đề cương biên tập khoa học, chọn yếu tố nội dung	mảnh	7,2	1.646
2,2	Thu thập, đánh giá tư liệu	mảnh	17,1	3.910
2,3	Viết kế hoạch biên tập chi tiết	mảnh	24,3	5.556
2,4	Thiết kế thư viện ký hiệu	mảnh	15,3	3.498
2,5	Lập mẫu tác giả, mẫu màu, ký hiệu	mảnh	18	4.116
<b>3</b>	<b><i>Xây dựng bản tác giả ở dạng số</i></b>	<b><i>mảnh</i></b>	<b><i>174,15</i></b>	<b><i>39.821</i></b>
3,1	Biên vẽ yếu tố chuyên môn	mảnh	90,9	20.785
3,2	Cài đặt chương trình, copy tệp chuẩn, thiết lập thư mục lưu trữ	mảnh	4,95	1.132
3,3	Quét, số hóa nội dung chuyên môn	mảnh	41,4	9.466
3,4	Biên tập nội dung bản đồ số	mảnh	36,9	8.437
3,5	In phun, kiểm tra bản đồ	mảnh		-
<b>4</b>	<b><i>Biên tập các yếu tố nội dung</i></b>	<b><i>mảnh</i></b>	<b><i>36,9</i></b>	<b><i>8.437</i></b>
4,1	<i>Biên tập các yếu tố nội dung</i>	mảnh	31,5	7.203
4,2	<i>In phun, kiểm tra, ghi CD</i>	mảnh		-
4,3	<i>Biên tập tách màu</i>	mảnh	5,4	1.235
4,4	<i>In, hiện tráng phim, kiểm tra</i>	mảnh		-
4,5	<i>Phục vụ kiểm tra nghiệm thu</i>	mảnh		-
	<b>Tổng cộng</b>			<b>75.217</b>